

Bản án số: 07/2023/HS-ST

Ngày: 10-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đức Quang
2. Ông Trần Đặng Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Tuyết Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-HSST ngày 13 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Phong P, sinh ngày: 22/02/1995 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp An B, xã Mỹ An H, huyện Lập V, tỉnh Đồng T; Nơi cư trú: Khách sạn Phú Đ đường Lê Hồng P, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lễ tân khách sạn; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thanh S và bà: Trương Thị N; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2022 tại Nhà tạm giữ - Công an Quận 10.

2. Nguyễn Văn C (tên gọi khác: L), sinh năm: 1976 tại Tây N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố Thanh B, thị trấn Gò D, huyện Gò D, tỉnh Tây N; nơi cư trú: Không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: Tạp vụ khách sạn; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L và bà: Trần Thị P; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2022 tại Nhà tạm giữ - Công an Quận 10

(Các bị cáo có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

1. Ông Nguyễn Phước Bảo L, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: xã Thạnh Mỹ T, huyện Đức H, tỉnh Long A

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: xã Long T, huyện Cần Đ, tỉnh Long A

3. Bà Lê P, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: Âu C, Phường C, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Bà Đào Thị Mỹ O, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: xã Sông R, huyện Cẩm M, tỉnh Đồng N

5. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Lê Hồng P, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Phong P làm lễ tân và là một trong những quản lý của khách sạn Phú Đ, Lê Hồng P, Phường A, Quận B, nên bị cáo P quen biết gái bán dâm tên Lê P (tên thường gọi L) mỗi lần P bán dâm giá 800.000 đồng và cả hai thỏa thuận nếu bị cáo P kêu P đến khách sạn Phú Đ bán dâm thì bị cáo P lấy 200.000 đồng. Ngoài ra bị cáo P còn biết Đào Thị Mỹ O thuê phòng 203 tại khách sạn Phú Đ, là gái bán dâm. Bị cáo Nguyễn Văn C, là tạp vụ của Khách sạn Phú Đ biết O thuê phòng để bán dâm.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 01/6/2022, ông Nguyễn Phước Bảo L và ông Nguyễn Văn H đến khách sạn Phú Đ, ông L gặp bị cáo P tại quầy lễ tân nói cho thuê 02 phòng và hỏi có gái bán dâm không. Bị cáo P trả lời có và báo giá 800.000 đồng và 1.000.000 đồng, chưa tính tiền phòng thì ông Lộc đồng ý. Bị cáo P đưa chìa khóa phòng 402 và 701 kêu ông L lên phòng trước, gái bán dâm sẽ lên sau. Sau đó, bị cáo P dùng điện thoại nhắn tin Zalo cho Lê P đến phòng 701, khách sạn Phú Đ bán dâm cho ông Nguyễn Văn H, giá bán dâm thì bị cáo P đã báo trước cho khách. Tiếp đến, bị cáo P nói bị cáo Nguyễn Văn C lên phòng 203 hỏi O có bán dâm không, nếu có kêu O lên phòng 402 bán dâm cho khách, tiền bán dâm bị cáo P đã nói với khách là 1.000.000 đồng, O bán dâm xong thì

đưa lại cho các bị cáo 300.000 đồng, chia nhau mỗi người 150.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong, bị cáo C lên phòng 203 gõ cửa gặp O hỏi có bán dâm không thì O trả lời có bán dâm nên bị cáo C nói O lên phòng 402, giá bán dâm đã báo với khách là 1.000.000 đồng, bán dâm xong thì đưa lại cho bị cáo C 300.000 đồng. O đồng ý và lên phòng 402 bán dâm cho ông Nguyễn Phước Bảo L. Sau đó P đến khách sạn gặp bị cáo P thì bị cáo P nói với P đã báo giá bán dâm với khách là 800.000 đồng, kêu P lên phòng 701 bán dâm cho ông Nguyễn Văn H. Do trước đó, bị cáo P và Ph đã thỏa thuận P bán dâm 800.000 đồng thì cho bị cáo P 200.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ 45 phút cùng ngày, Đội cảnh sát hình sự Công an Quận 10 vào kiểm tra phát hiện tại phòng 402 Lê P đang bán dâm cho Nguyễn Văn H và phòng 701 Đào Thị Mỹ O đang bán dâm cho Nguyễn Phước Bảo L nên đưa tất cả về Công an Phường 12, Quận 10 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 10 xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bị cáo P khai vào làm việc tại khách sạn Phú Đ từ năm 2018 do bà Nguyễn Thanh L thuê làm tạp vụ và giữ xe, đến khoảng tháng 6/2021 thì được bà L giao làm tiếp tân khách sạn với mức lương 6.000.000 đồng/01 tháng, không có làm hợp đồng lao động. Do thời gian dịch bệnh nên bà L chia ca quản lý khách sạn với bị cáo P. Bị cáo P vừa là tiếp tân vừa quản lý khách sạn Phú Đ (từ 19 giờ đến 07 giờ sáng hôm sau; bà L quản lý từ 07 giờ đến 19 giờ. Vào ca trực ngày 01/06/2022, bị cáo P đã gọi gái bán dâm và cho khách mua dâm tại khách sạn như đã nêu trên. Bị cáo P chưa nhận được tiền hưởng lợi từ việc chứa mại dâm.

Bị cáo C khai làm tạp vụ tại khách sạn Phú Đ được 4 tháng do bà L thuê và trả lương 6.000.000đồng/01 tháng, không làm hợp đồng lao động; Trước tết thì bị cáo về quê nghỉ làm việc tại khách sạn Phú Đ, đến ngày 10/5/2022 thì bị cáo vào làm việc lại; Ngày 01/06/2022, bị cáo C đã giúp bị cáo P chứa mại dâm như trên. Ngoài ra, bị cáo C khai nhận có 01 gái bán dâm (không rõ lai lịch) vào khách sạn bán dâm thì làm quen với bị cáo C và cho số điện thoại nói khi nào có khách thì giới thiệu, trước khi bị bắt khoảng 01 tuần (không nhớ ngày) thì có 01 khách nam (không rõ lai lịch) thuê phòng tại khách sạn (không nhớ phòng) có hỏi bị cáo C có gái bán dâm thì kêu đến bán dâm, do trước đó có số điện thoại của gái bán dâm nên bị cáo C gọi điện thoại cho gái bán dâm (không rõ lai lịch) đến khách sạn Phú Đ bán dâm với giá 800.000 đồng và được gái bán dâm cho lại 200.000 đồng, bị cáo C đã tiêu xài hết, số điện thoại của gái bán dâm thì bị cáo C đã xóa, không còn lưu giữ.

Bà Nguyễn Thanh L và ông Lê Huỳnh P khai: Căn nhà Lê Hồng P, Phường A, Quận B vợ chồng ông thuê của ông Phạm Duy T với giá 150.000.000 đồng/

01 tháng để kinh doanh khách sạn Phú Đ, hàng tháng trả tiền thuê thông qua chuyển khoản vào tài khoản của bà Phạm Thị Tố L. Việc thuê, trả lương nhân viên là do bà L quyết định, bà L không làm hợp đồng lao động với các bị cáo. Việc các bị cáo chứa mại dâm tại khách sạn Phú Đ vào ngày 01/6/2022, bà L, ông P không biết.

Ông Trần Minh T khai: Từ tháng 01/2021 bà L thuê ông làm giữ xe của khách sạn Phú Đ với mức lương 6.000.000 đồng/1 tháng, không làm hợp đồng lao động, ông T không biết các bị cáo chứa mại dâm tại khách sạn Phú Đ.

Đối với khách mua dâm và gái bán dâm, Công an Quận 10 đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi mua dâm, bán dâm.

Đối với bà Nguyễn Thanh L, ông Lê Huỳnh P, ông Trần Minh T không biết việc P và C chứa mại dâm tại khách sạn Phú Đ, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 không xem xét xử lý hình sự.

Vật chứng vụ án:

- 02 bao cao su hiệu HA UTRATHIN đã qua sử dụng.
- Số tiền 2.000.000 đồng, là tiền khách mua dâm.
- 01 ĐTDĐ Iphone 6S có số thuê bao 0704733916, thu giữ của Lê P
- Thu giữ của bị cáo P: 01 ĐTDĐ Iphone 13 có số thuê bao 0367324530, sử dụng liên lạc với gia đình và 01 ĐTDĐ Oppo có số thuê bao 0834245049, sử dụng vào việc phạm tội.
- Thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn C: 01 ĐTDĐ màu hồng đen, bị bể mặt sau, không mở nguồn được, là tài sản dùng để gọi bạn bè, công việc.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 đã ra quyết định chuyển các vật chứng đến Cơ quan Thi hành án dân sự Quận 10.

- 01 ĐTDĐ Iphone 6S màu hồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã trao trả cho Đào Thị Mỹ O

Tại Bản Cáo trạng số 94/CT-VKSQ10 ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Bị cáo Nguyễn Phong P và bị cáo Nguyễn Văn C về tội: “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội và nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 4 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo: Nguyễn Phong P từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn C từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, Phạt bổ sung 5.000.000 đến

10.000.000 đồng đối với bị cáo P, miễn phạt tiền bổ sung đối với bị cáo C và đề nghị xử lý vật chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do các bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của các bị cáo, đối chiếu với lời khai người làm chứng, nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Phong P và Nguyễn Văn C đã có hành vi sử dụng địa điểm do mình quản lý để cho hai cặp mua bán dâm cùng một thời điểm nên các bị cáo bị truy tố và xét xử về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đạo đức, nếp sống văn minh, thuần phong mỹ tục của dân tộc mà còn xâm phạm đến tự an toàn xã hội. Trong vụ án này có đồng phạm nhưng chỉ thông mưu gián

đơn trong đó bị cáo Nguyễn Phong P có vai trò tích cực hơn nên bị cáo P phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với bị cáo C. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử phạt bằng luật hình tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cụ thể cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo. Ngoài ra các bị cáo phạm tội lần đầu nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Đối với 02 bao cao su (đã qua sử dụng) Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu và tiêu hủy.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng là tiền khách mua dâm, đây là số tiền liên quan đến việc phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Oppo có số thuê bao 0834245049 của bị cáo P và 01 ĐTDĐ Iphone 6S có số thuê bao 0704733916, thu giữ của Lê P. Đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 13 có số thuê bao 0367324530 của bị cáo P và 01 điện thoại di động màu hồng của bị cáo C là tài sản riêng không liên quan đến việc phạm tội nên Hội đồng xét xử trả lại cho các bị cáo.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 327; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với Nguyễn Phong P, Nguyễn Văn C;

- Căn cứ vào điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Phong P và Nguyễn Văn C phạm tội “Chứa mại dâm”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phong P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2022.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Tịch thu và tiêu hủy đối với 02 bao cao su (đã qua sử dụng)

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với 01 điện thoại di động Oppo có số thuê bao 0834245049 của bị cáo P và 01 ĐTDĐ Iphone 6S có số thuê bao 0704733916 và số tiền 2.000.000 đồng.

Trả lại 01 điện thoại di động Iphone 13 có số thuê bao 0367324530 cho bị cáo Nguyễn Phong P; trả lại 01 điện thoại di động màu hồng cho bị cáo Nguyễn Văn C

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/11/2022 giữa Công an Quận 10 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10).

Buộc mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo tính từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.10; (4)
- Công an Q.10; (2)
- Chi cục THADS Q.10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (4)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Quyết